

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2018/HS-ST**
Ngày: 06 - 4 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quan Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thề;
Ông Lê Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đình Duẩn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lý Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Mai Ngọc L**, sinh năm 1982, tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nam; đăng ký hộ khẩu thường trú: 525 ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở: 180 ấp A, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không có; con ông: Mai Ngọc A và bà: Lâm Thu H; chung sống như vợ chồng với Lê Thị M, sinh năm 1984 từ năm 2014 và có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án: Không có; tiền sự: Ngày 06/5/2016 bị Công an xã D xử phạt hành chính 750.000đ về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, chưa đóng phạt; Nhân thân: Năm 2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 04 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”, được đặc xá ngày 31/8/2011 và năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/02/2014; Tạm giữ ngày: 14/9/2017; Tạm giam từ ngày 23/9/2017 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện V; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

1. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1979; *Trú tại:* 649 Tổ 8, Ấp 3, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Thị M**, sinh năm 1984; có mặt tại phiên tòa;

3. **Lê Thị Kim A**, sinh ngày 30/4/2005; vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa;

Người đại diện hợp pháp của Lê Thị Kim A: **Lê Thị M**, sinh năm 1984 (Mẹ ruột của A); *Cùng trú tại:* 180 ấp A, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. **Lâm Minh T (Bé)**, sinh năm 1991; vắng mặt tại phiên tòa;

2. **Lê Hồng H**, sinh năm 1997; vắng mặt tại phiên tòa;

Cùng trú tại: Ấp H, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

3. **Nguyễn Thị Huỳnh N**, sinh năm 2009; *Người giám hộ cho N: Nguyễn Văn T*, sinh năm 1958 (Ông nội của N); *Cùng trú tại:* 468 ấp H, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; cùng vắng mặt tại phiên tòa;

4. **Lâm Văn V (Út Vũ)**, sinh năm 1975; *Trú tại:* 300 ấp A, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt tại phiên tòa;

5. **Lê Hồng Y**, sinh năm 1958; có mặt tại phiên tòa;

6. **Trương Thị N**, sinh năm 1963; có mặt tại phiên tòa;

Cùng trú tại: 180 ấp A, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

7. **Mai Ngọc A**, sinh năm 1951; vắng mặt tại phiên tòa;

8. **Lâm Thu H**, sinh năm 1952; có mặt tại phiên tòa;

Cùng trú tại: 525 ấp B, xã T, huyện V, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Ngọc L, sinh năm 1982, đăng ký hộ khẩu thường trú tại 525 ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp là đối tượng nghiện ma túy. Để có tiền sử dụng ma túy, ngày 10/9/2017 L điện thoại cho một thanh niên (không rõ tên và địa chỉ) mua 1.000.000đ ma túy đá về bán lại cho các con nghiện kiếm lời.

Khi mua ma túy về nhà, L chia ma túy ra thành nhiều phần nhỏ. Đến khoảng 09 giờ ngày 14/9/2017 Nguyễn Văn T, sinh năm 1979, trú tại Ấp 3, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp điện thoại cho L hỏi mua 500.000đ ma túy, thì L đồng ý và hẹn Tèo đến chỗ ở của L tại 180 ấp A, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp để lấy ma túy. Đến khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày, L đang bán ma túy cho Tèo tại phía sau chỗ ở của L, thì bị Công an bắt quả tang.

Cơ quan điều tra đã thu giữ của:

- Mai Ngọc L: Tiền Việt Nam là 500.000đ.

- Nguyễn Văn T: 01 bịch nhỏ bằng nilong bên trong chứa nhiều hạt nhỏ tinh thể rắn màu trắng, tiền Việt Nam 20.000đ, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu xanh đen.

Đồng thời Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V tiến hành khám xét chỗ ở của Mai Ngọc L thu giữ: 03 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 bịch nilong bên trong có chứa nhiều hạt nhỏ tinh thể rắn màu trắng; tiền Việt Nam là 5.350.000đ; tiền ngoại tệ là 09 USD (01 tờ 05 USD, 01 tờ 02 USD, 02 tờ 01 USD); 01 điện thoại di động hiệu

Oppo màu trắng bạc và nhiều đồ vật có liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Qua điều tra, xác định được số tiền 5.350.000đ là của Lê Thị M vợ của L, tiền ngoại tệ 09 USD và 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng bạc là của Lê Thị Kim A con của chị Mai, nên không liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy của L.

Tại bản Kết luận giám định số: 600/KL-KTHS ngày 18/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: 01 bịch ma túy Cơ quan điều tra đã thu giữ trên người Nguyễn Văn T khi bắt quả tang là ma túy Methamphetamine (ma túy đá) có khối lượng 0,4332 gam; 01 bịch ma túy thu được khi khám xét tại nhà của L là loại ma túy Methamphetamine có khối lượng 3,3347 gam.

Ngoài lần bị bắt quả tang như đã nêu ở trên, Nguyễn Văn T còn trình bày đã mua ma túy của L 02 lần vào các ngày 30/8/2017 và 07/9/2017, mỗi lần là 300.000đ. Trong quá trình điều tra, Lâm Minh T (Bé) khai mua ma túy của L 15 lần, mỗi lần từ 200.000đ đến 500.000đ; Lê Hồng H khai mua ma túy của L 13 lần, mỗi lần từ 200.000đ đến 300.000đ. Nhưng L không thừa nhận có bán ma túy cho các đối tượng trên, chỉ thừa nhận bán ma túy cho Nguyễn Văn T trong lần bị bắt quả tang. Hiện tại Tèo, Tiến và Hải không có mặt tại địa phương, nên không làm việc được, do đó không đủ chứng cứ chứng minh L có hành vi mua bán trái phép ma túy nhiều lần cho Tèo, Tiến và Hải.

Tại Cáo trạng số: 02/CT-VKS-LVo ngày 21/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định truy tố bị cáo Mai Ngọc L ra Tòa án nhân dân huyện V để xét xử về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên khẳng định việc truy tố trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, Mai Ngọc L biết rõ Nhà nước nghiêm cấm mua bán chất ma túy, nhưng do muốn có tiền sử dụng ma túy, nên ngày 10/9/2017 L đã mua 1.000.000đ ma túy về chia thành nhiều phần nhỏ, đến ngày 14/9/2018 L bán ma túy cho Nguyễn Văn T thì bị bắt quả tang. Hành vi của Mai Ngọc L đã trực tiếp xâm phạm đến quy định của Nhà nước trong việc độc quyền quản lý và sử dụng chất ma túy, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương.

Trên cơ sở phân tích tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến tội phạm, nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm s khoản 1, khoản 2 (bị cáo có 01 con nhỏ sinh năm 2017) Điều 46 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Mai Ngọc L mức án từ 03 năm đến 04 năm tù;

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bịch tinh thể rắn màu trắng có chứa thành phần Methamphetamine còn lại sau giám định có khối lượng 0,3692 gam đã được niêm phong; 01 bịch tinh thể rắn màu trắng có chứa thành phần Methamphetamine còn lại sau giám định có khối lượng 3,2572 gam đã được niêm phong; 03 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; các đồ vật có liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Mai Ngọc L số tiền 500.000đ là tiền mua bán ma túy giữa L và Tèo và của Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu xanh đen, do là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

+ Trả lại cho: Nguyễn Văn T là 20.000đ; Lê Thị M là 5.350.000đ; Lê Thị Kim A 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng bạc và 09 USD.

- Bị cáo Mai Ngọc L thừa nhận toàn bộ hành vi của bị cáo đúng như nội dung vụ án đã nêu ở trên và tại phần tranh luận bị cáo cũng không phát biểu tranh luận gì với Kiểm sát viên, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Lê Thị M trình bày không biết việc Mai Ngọc L mua ma túy về bán lại, số tiền 5.350.000đ bị Công an thu giữ là của Lê Thị M; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng bạc và 09 USD là của Lê Thị Kim A và yêu cầu được nhận lại.

- Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời không yêu cầu nhận lại 20.000đ đã bị Công an thu giữ.

- Người làm chứng Lê Hồng Y, Trương Thị N và Lâm Thu H trình bày không biết việc Mai Ngọc L có sử dụng ma túy và mua bán ma túy, khi L bị Công an bắt thì mới biết việc L bán ma túy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan Lê Thị M đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền L nghĩa vụ liên quan Lê Thị Kim A không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Bị cáo Mai Ngọc L thừa nhận biết rõ Nhà nước nghiêm cấm mua bán chất ma túy, nhưng do muốn có tiền sử dụng ma túy, nên ngày 10/9/2017 L đã mua 1.000.000đ ma túy về chia thành nhiều phần nhỏ, đến ngày 14/9/2018 bán ma túy cho Nguyễn Văn T thì bị bắt.

Lời thừa nhận tội của bị cáo Mai Ngọc L phù hợp với lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án và tại phần tranh luận bị cáo cũng thống nhất với nội dung cáo trạng, luận tội của Kiểm sát viên, không phát biểu tranh luận gì, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, có nhân thân xấu, đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đủ thể lực và trí lực, nhận biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Mai Ngọc L đã có đầy đủ

các yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, phạm vào khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[3]. Hành vi phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” của bị cáo Mai Ngọc L xảy ra trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. So sánh đối chiếu Bộ luật hình sự năm 1999 với Bộ luật hình sự năm 2015, thì quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với tội này có L hơn cho bị cáo, do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử đối với bị cáo.

Tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.”.

[4]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương, kỷ cương pháp luật bị xâm hại, xâm phạm đến quyền độc quyền quản lý đối với chất ma túy của Nhà nước, vi phạm nếp sống lành mạnh, văn minh của xã hội. Chúng ta biết mua bán ma túy là một hành vi bị xã hội lên án, pháp luật nghiêm cấm, nó là nguyên nhân dẫn đến rất nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, đồng thời làm hủy hoại giá trị đạo đức của con người, đi ngược lại truyền thống của dân tộc. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử công khai như ngày hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời nhằm mục đích giáo dục phòng ngừa chung cho xã hội.

Hội đồng xét xử cần phải áp dụng mức hình phạt thích đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo học tập, lao động thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[5]. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại phiên tòa, bị cáo L đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đồng thời bị cáo là lao động chính đang nuôi cha, mẹ ruột đều đã hết tuổi lao động và có 01 con nhỏ sinh năm 2017, thu nhập từ việc đi làm thuê không ổn định, bị cáo chưa hưởng L từ bán ma túy, nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[6]. Cáo trạng số: 02/CT-VKS-LVo ngày 21/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Mai Ngọc L là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục bị cáo và nhằm mục đích phòng ngừa chung trong xã hội.

[7]. Đối với việc Nguyễn Văn T trình bày đã mua ma túy của L 02 lần vào các ngày 30/8/2017 và 07/9/2017, mỗi lần là 300.000đ; Lâm Minh T (Bé) khai mua ma túy của L 15 lần, mỗi lần từ 200.000đ đến 500.000đ; Lê Hồng H khai mua ma túy của L 13 lần, mỗi lần từ 200.000đ đến 300.000đ. Nhưng L không thừa nhận việc có bán ma túy như Tèo, Tiến và Hải trình bày, chỉ thừa nhận bán ma túy cho Nguyễn Văn T trong lần bị bắt quả tang. Do đó không đủ chứng cứ chứng minh L có hành vi bán ma túy nhiều lần cho Tèo, Tiến và Hải.

[8]. Về vật chứng:

- Đối với: 01 bạch tinh thể rắn màu trắng có chứa thành phần Methamphetamine còn lại sau giám định có khối lượng 0,3692 gam đã được niêm phong; 01 bạch tinh thể rắn màu trắng có chứa thành phần Methamphetamine còn lại sau giám định có khối lượng 3,2572 gam đã được niêm phong; 03 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; các đồ vật có liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy, là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành, nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 500.000đ thu giữ của bị cáo Mai Ngọc L là tiền mua bán ma túy giữa L và Tèo và 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu xanh đen của Nguyễn Văn T, đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với 20.000đ thu giữ của Nguyễn Văn T, do Nguyễn Văn T không có yêu cầu nhận lại, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Đối với 5.350.000đ; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng bạc và 09 USD, quá trình điều tra đã xác định được không có liên quan đến vụ án và thuộc sở hữu của Lê Thị M, Lê Thị Kim A, nên trả lại cho Lê Thị M 5.350.000đ, trả lại cho Lê Thị Kim A 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng bạc và 09 USD theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9]. Bị cáo Mai Ngọc L bị kết tội, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10]. Bị cáo, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền L, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Kim A được quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Mai Ngọc L phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Mai Ngọc L 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/9/2017.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bạch tinh thể rắn màu trắng có chứa thành phần Methamphetamine còn lại sau giám định có khối lượng 0,3692 gam đã được niêm phong; 01 bạch tinh thể rắn màu trắng có chứa thành phần Methamphetamine còn lại

sau giám định có khối lượng 3,2572 gam đã được niêm phong; 03 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; các đồ vật có liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước của: Mai Ngọc L số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng); của Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu xanh đen và số tiền 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho: Lê Thị M số tiền 5.350.000đ (Năm triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng); Lê Thị Kim A 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng bạc và 09 (Chín) USD.

Toàn bộ vật chứng nêu trên đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện V giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 26/3/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V với Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Mai Ngọc L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan Lê Thị M đồng thời là người đại diện hợp pháp của Lê Thị Kim A có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T và Lê Thị Kim A vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện V;
- CQ CSĐT Công an huyện V;
- CC THADS huyện V;
- Sở Tư pháp Đồng Tháp;
- Bị cáo, người liên quan;
- Lưu: HSVA, VPTA (Đuẩn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Quan Nam